BTVN: LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU THƠ ĐƯỜNG LUẬT
MÔN: NGỮ VĂN 12
GIÁO VIÊN: NGUYỄN THỊ HƯƠNG THỦY

MỤC TIÊU

✓ *Vận dụng kiến thức đã học về truyện thơ để thực hành đọc – hiểu thơ Đường luật*

PHẦN I: ĐỌC HIỂU

(ID: 819051) Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Xúc cảnh

Nguyễn Đình Chiểu

Hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông[1],
Chúa xuân[2] đâu hỡi, có hay không?
Mây giăng ải bắc[3] trông tin nhạn,
Ngày xế non nam[4] bặt tiếng hồng.
Bờ cõi xưa đà chia đất khác,
Nắng sương nay há đội trời chung.
Chừng nào thánh đế[5] ân soi thấu,
Một trận mưa nhuần rửa núi sông.

Chú thích

[1] Gió từ phương đông tới, tức gió mùa xuân

[2] Mùa xuân đưa lại sức sống mới cho muôn loài, cho con người. Do đó nó được gọi là Chúa xuân. Ở đây ý nói Tổ quốc độc lập (vì Tổ quốc độc lập thì mọi người dân có hạnh phúc)

[3] Ải vốn có nghĩa chỗ đất hiểm trở, chật hẹp, quạnh hiu. Ải cũng có nghĩa chỗ giáp giới giữa hai nước. Ở đây, ải bắc có nghĩa là phương bắc xa xôi

[4] Núi ở phương nam. Ở đây, non nam là phương nam (cũng có thể nói là Nam Bộ lúc này đã bị chiếm đóng hoàn toàn)

[5] Vị vua đáng tôn kính. Trong điều kiện ý thức hệ phong kiến còn thống trị, Nguyễn Đình Chiểu không thể không nói đến thánh đế, nhưng đó là vị vua lý tưởng mà ông ước mơ

Câu 1: Dấu hiệu nào cho thấy Xúc cảnh của Nguyễn Đình Chiểu là thơ Đường luật?

A. Có 8 câu, mỗi câu 5 chữ; gieo vần lưng.

B. Có 8 câu, mỗi câu 7 chữ; gieo vần bằng ở các câu 1, 2, 4, 6, 8; có niêm, đối.

C. Có 4 câu, chia làm 2 phần, gieo vần chân.

D. Có 8 câu, tự do về vần, không cần niêm đối.

Câu 2: Cảm hứng chủ đạo của bài thơ Xúc cảnh là gì?

A. Vui mừng trước cảnh sắc thiên nhiên đất nước.

B. Đau buồn, đau xót về tình cảnh đất nước mất độc lập, mong mỏi sự đổi thay.

C. Tự hào về công danh, sự nghiệp bản thân.

D. Thể hiện lòng thương nhớ quê hương trong cảnh tha hương.

Câu 3: Biện pháp tu từ ẩn dụ trong bốn câu thơ đầu Xúc cảnh có tác dụng gì?

Hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông,
Chúa xuân đâu hỡi, có hay không?
Mây giăng ải bắc trông tin nhạn,
Ngày xế non nam bặt tiếng hồng.

A. Chỉ miêu tả thiên nhiên mùa xuân.

B. Gợi tình cảnh nhân dân mong mỏi độc lập, đồng thời bộc lộ nỗi đau mất nước.

C. Tô điểm vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên đất nước.

D. Thể hiện thú vui ngắm cảnh, làm thơ của tác giả.

Câu 4: Tinh thần yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu được thể hiện rõ nhất qua hai câu:

"Bờ cõi xưa đà chia đất khác,
Nắng sương nay há đội trời chung."
Điều đó thể hiện ở điểm nào?

A. Đau xót vì đất nước chia cắt, quyết tâm không chịu đội trời chung với giặc.

B. Tự hào vì đất nước rộng lớn, bờ cõi được chia rõ ràng.

C. Thoả mãn khi nhân dân được sống chung hoà bình với giặc.

D. Vui mừng vì đất nước có thêm lãnh thổ.

Câu 5: So sánh 2 câu kết của Xúc cảnh:

"Chừng nào thánh đế ân soi thấu,
Một trận mưa nhuần rửa núi sông."
với 2 câu trong Tự trào của Nguyễn Khuyến:
"Nghĩ mình lại ngán cho mình nhỉ,
Mà cũng bia xanh, cũng bảng vàng."

Thái độ của hai tác giả trước tình cảnh đất nước bị xâm lược có điểm gì khác nhau?

A. Nguyễn Đình Chiểu hi vọng vào tương lai độc lập; Nguyễn Khuyến mỉa mai, tự trào bản thân bất lực.

B. Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên; Nguyễn Khuyến nhớ về bạn bè.

C. Nguyễn Đình Chiểu khẳng định sự bất tử của dân tộc; Nguyễn Khuyến ca ngợi công danh.

D. Cả hai đều bi quan, chán nản, không có niềm tin.

(ID: 819057) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu hỏi từ 6 – 10

***Tùng* - Nguyễn Trãi**

I

Thu đến cây nào chẳng lạ lùng,
Một mình lạt thuở ba đông (1).
Lâm tuyền ai rặng (2) già làm khách,
Tài đống lương (3) cao ắt cả dùng (4).

II.

Đống lương tài có mấy bằng mày,
Nhà cả (5) đòi phen chống khoẻ thay.
Cội rễ bền day (6) chẳng động,
Tuyết sương thấy đã đặng (7) nhiều ngày.

III.

Tuyết sương thấy đã đặng nhiều ngày,
Có thuốc trường sinh (8) càng khoẻ thay.
Hổ phách phục linh (9) nhìn mới biết,
Dành còn để trợ (10) dân này.

(1): ba tháng mùa đông
(2): ai bảo
(3): tài làm rường cột
(4): dùng được vào việc lớn
(5): chữ Hán là đại hạ; có câu Nhất mộc chi đại hạ (Một cây chống đỡ tòa nhà lớn). Cả câu ý nói mấy phen từng làm việc lớn.
(6): lay qua, lay lại để làm nghiêng ngả
(7): chịu đựng
(8): thuốc giúp sống lâu
(9): hổ phách, phục linh: những loại thuốc quý giúp sống lâu
(10): trợ: giúp

Câu 6: Bài thơ Tùng sử dụng lối gieo vần nào?

A. Vần lưng **B.** Vần chân **C.** Vần liền **D.** Vần cách

Câu 7: Hai câu thơ: *Thu đến cây nào chẳng lạ lùng/ Một mình lạt thuở ba đông* đã miêu tả đặc điểm nào của cây tùng?

A. Hình thể độc đáo.
B. Cách chăm sóc kì công.
C. Màu sắc lạ lùng.
D. Sức sống kiên cường.

Câu 8: Dòng nào dưới đây nêu chính xác ý nghĩa biểu tượng của cây tùng?

A. Người công tử **B.** Người phụ nữ **C.** Người dân nghèo **D.** Người tha hương

Câu 9: Hai câu thơ: *Thu đến cây nào chẳng lạ lùng/ Một mình lạt thuở ba đông* sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hoá
B. So sánh
C. Điệp ngữ
D. Liệt kê

Câu 10: Câu thơ Tuyết sương thấy đã đặng nhiều ngày giúp em hiểu gì về tình cảnh của chủ thể trữ tình?

A. Thanh thản hòa mình vào thiên nhiên.
B. Chua xót khi bị triều đình "ruồng bỏ".
C. Đau đớn trước cảnh nước mất, nhà tan.
D. Bất bình trước triều đình phong kiến.

PHẦN II: LÀM VĂN:

Câu 1: (ID: 819125 - VD) Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ biểu hiện của phong cách cổ điển trong bài thơ *Xúc cảnh* (Nguyễn Đình Chiểu).

Câu 2: (ID: 819126 - VD) Viết đoạn văn phân tích bốn câu thơ sau để làm nổi bật những phẩm chất của cây tùng?

Đống lương tài có mấy bằng mày,

Nhà cả đòi phen chống khoẻ thay.

Cội rễ bền dời chẳng động,

Tuyết sương thấy đã đặng nhiều ngày.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN I: ĐỌC HIỂU

Câu 1 (NB):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Văn bản cho thấy bài thơ có 8 câu, mỗi câu 7 chữ, gieo vần ở các câu 1, 2, 4, 6, 8 (đông – không – hồng – sông), có niêm và đối ở các cặp câu theo luật thơ Đường.

- Phân tích đáp án sai:

+ A. Sai → 5 chữ không đúng.

+ C. Sai → 4 câu không phải đặc trưng Đường luật.

+ D. Sai → thơ Đường luật bắt buộc có niêm, đối, không tự do.

Đáp án: B

Câu 2 (TH):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Văn bản nhấn mạnh nỗi đau mất nước, cảnh đất nước bị giặc xâm lược, từ đó bày tỏ niềm mong mỏi một ngày độc lập.

- Phân tích đáp án sai:

+ A. Sai → không phải cảm hứng vui mừng, mà là buồn đau.

+ C. Sai → không đề cập công danh cá nhân.

+ D. Sai → không phải tâm trạng tha hương, mà là mất nước.

Đáp án: B

Câu 3 (TH):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung của văn bản.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Hình ảnh hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông là ẩn dụ cho nhân dân mong chờ thời cơ độc lập; khéo léo thể hiện nỗi đau, hi vọng vào tương lai.

- Phân tích đáp án sai:

+ A. Sai → không dừng ở miêu tả thiên nhiên.

+ C. Sai → không chỉ nhằm ca ngợi vẻ đẹp.

+ D. Sai → không phải thú vui cá nhân.

Đáp án: B

Câu 4 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Hai câu thơ bày tỏ nỗi đau khi đất nước bị chia cắt, đồng thời thể hiện khí phách không chấp nhận chung sống với quân xâm lược → lòng yêu nước mãnh liệt.

- Phân tích đáp án sai:

+ B. Sai → không có sự tự hào, chỉ có đau xót.

+ C. Sai → không có thái độ thoả mãn, mà là phẫn uất.

+ D. Sai → không phải mở rộng lãnh thổ, mà là mất đất.

Đáp án: A

Câu 5 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản.

Cách giải:

- Điểm giống: Thể hiện suy ngẫm, trăn trở của bản thân về vấn đề của đất nước, của thời cuộc. Có trách nhiệm với thời cuộc, không thờ ơ trước thời cuộc, trước dân, đất nước.

- Điểm khác:

+ NĐC: chờ đợi, hi vọng vào tương lai tươi sáng của đất nước.

+ NK: mỉa mai, tự trào chính bản thân khi "bia xanh, bảng vàng" mà không giúp ích gì được.

- Phân tích đáp án sai:

+ B. Sai → không nhấn mạnh thiên nhiên hay bạn bè.

+ C. Sai → không có sự khẳng định bất tử hay ca ngợi công danh.

+ D. Sai → Nguyễn Đình Chiểu vẫn nuôi hi vọng, không bi quan tuyệt đối.

Đáp án: A

Câu 6 (NB):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Bài thơ gieo vần cuối câu, tức là vần chân, là lối gieo vần phổ biến trong thơ truyền thống, tạo nhịp điệu uyển chuyển và dễ thuộc.

- Phân tích đáp án sai:

+ A. Sai vì vần lưng là gieo vần ở giữa câu, bài thơ không sử dụng.

+ C. Sai vì vần liền là vần liên tiếp trong cùng câu, không phù hợp.

+ D. Sai vì vần cách là gieo vần cách nhau nhiều câu, trong đoạn trích này không áp dụng.

Đáp án: B

Câu 7 (NB):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Cây tùng chịu được ba mùa đông, vẫn đứng một mình giữa mùa thu, thể hiện sức sống bền bỉ, kiên cường, không khuất phục trước thời tiết khắc nghiệt.

- Phân tích đáp án sai:

+ A. Sai vì hình thể độc đáo không phải là ý chính của hai câu này.

+ B. Sai vì không đề cập đến sự chăm sóc con người.

+ C. Sai vì màu sắc không được nhấn mạnh, ý nhấn mạnh là sức sống.

Đáp án: D

Câu 8 (TH):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung của văn bản.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Cây tùng trong bài thơ biểu tượng cho người công tử, thể hiện phẩm chất kiên cường, thanh cao, dám đứng riêng giữa cuộc đời, không bị khuất phục bởi hoàn cảnh.

- Phân tích đáp án sai:

+ B. Sai vì cây tùng không tượng trưng cho người phụ nữ.

+ C. Sai vì không gợi người dân nghèo, mà là hình ảnh thanh cao, tao nhã.

+ D. Sai vì không phải người tha hương, ý nghĩa biểu tượng gắn với phẩm chất công tử.

Đáp án: A

Câu 9 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản.

Cách giải:

"Một mình lạt thuở ba đông": Cụm từ "một mình" cũng góp phần nhân hóa, khiến hình ảnh cây như một con người cô đơn, lẻ loi giữa mùa đông.

Đáp án: A

Câu 10 (VD):

Phương pháp: Căn cứ vào nội dung văn bản.

Cách giải:

- Phân tích đáp án đúng: Câu thơ thể hiện nỗi chua xót, bất lực của chủ thể trữ tình khi phải chịu cảnh bị triều đình bỏ quên, xa cách.

- Phân tích đáp án sai:

+ A. Sai vì chủ thể không thanh thản hay hòa mình vào thiên nhiên.

+ C. Sai vì không liên quan đến nỗi đau trước cảnh nước mất, nhà tan.

+ D. Sai vì không bộc lộ sự bất bình chung chung với triều đình mà là nỗi chua xót cá nhân.

Đáp án: B

PHẦN II. LÀM VĂN

Câu 1:

Phương pháp:

Phân tích, tổng hợp.

Cách giải:

1. Mở đoạn:

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Đình Chiểu: nhà thơ lớn của dân tộc, thơ ông gắn với đạo lý và tinh thần yêu nước.
- Bài thơ Xúc cảnh thể hiện nỗi lòng trước cảnh nước mất nhà tan, đồng thời mang đậm phong cách cổ điển.

2. Thân đoạn:

a) Biểu hiện qua hình thức nghệ thuật:

- Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật → tiêu biểu cho phong cách thơ cổ điển.
- Niêm, luật, vần chặt chẽ; đối trong cặp thực – luận cân xứng.

b) Biểu hiện qua hệ thống hình ảnh, điển cố:

- Hình ảnh ước lệ, tượng trưng: "hoa cỏ", "mây giăng ải bắc", "ngày xế non nam".
- Điển cố, điển tích: "chúa xuân", "thánh đế" gợi quy chiếu văn hóa Nho – Đạo, khát vọng minh quân.

c) Biểu hiện qua tư tưởng, cảm hứng:

- Thấm đượm tinh thần trung quân, yêu nước, lo cho vận mệnh giang sơn.
- Nỗi u uất thời thế, niềm mong mỏi minh quân "mưa nhuần rửa núi sông".
- Đậm chất đạo lý, thiên về khái quát, nêu chí hướng → đặc trưng của phong cách cổ điển.

3. Kết đoạn:

- Khẳng định: Xúc cảnh là minh chứng tiêu biểu cho phong cách cổ điển trong thơ Nguyễn Đình Chiểu.
- Qua đó, thấy rõ tâm hồn yêu nước, tấm lòng trung nghĩa của nhà thơ, đồng thời cho thấy giá trị bền vững của thơ ca cổ điển trong nền văn học dân tộc.

Câu 2:

Phương pháp: Vận dụng kĩ năng đã học để viết một đoạn nghị luận.

Cách giải:

1. Mở đoạn:

- Giới thiệu khái quát về hình tượng cây tùng trong thơ văn cổ điển: biểu tượng cho phẩm chất cao quý, kiên trung.
- Dẫn dắt đến bốn câu thơ – nơi nhà thơ ca ngợi vẻ đẹp và phẩm chất của tùng.

2. Thân đoạn:

a) Phẩm chất của cây tùng qua hình ảnh thơ:

- "Đống lương tài có mấy bằng mày": tùng được ví như bậc hiền tài, chỗ dựa vững chắc cho đời.
- "Nhà cả đòi phen chống khoẻ thay": tùng như cột trụ, kiên cường bảo vệ trước bao sóng gió.

b) Biểu tượng cho sức sống bền bỉ:

- "Cội rễ bền dời chẳng động": gốc rễ chắc chắn, thể hiện sự vững vàng, kiên định trước mọi biến động.

- "Tuyết sương thấy đã đặng nhiều ngày": vượt qua khắc nghiệt của thời gian, biểu hiện sức chịu đựng dẻo dai, tinh thần bất khuất.

c) Ý nghĩa biểu tượng:

- Tùng là hình ảnh ẩn dụ cho con người quân tử, trung nghĩa, kiên trung, bất chấp nghịch cảnh.
- Qua đó, nhà thơ gửi gắm khát vọng về con người có nhân cách, làm trụ cột cho gia đình, xã hội, đất nước.

3. Kết đoạn:

- Khẳng định: Bốn câu thơ đã khắc họa đậm nét phẩm chất cao quý của cây tùng – biểu tượng cho sự kiên cường, bất khuất và trung nghĩa.
- Giá trị: không chỉ ca ngợi thiên nhiên mà còn tôn vinh nhân cách lý tưởng của con người trong văn học trung đại.